

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 08-6-2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Đến.
2. Ông Huỳnh Ngọc Song.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huê – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:***  
Ông Trần Văn Thôn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Châu Thị H, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:***

1/ Bà Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1967. (Có mặt)

2/ Ông Đặng Văn K, sinh năm 1966. (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Châu Thị H có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 24/11/2019 âm lịch bà Châu Thị H có cho ông Đặng Văn K và bà Trần Thị Cẩm N vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là một tháng, mục đích vay để xoay sở trong gia đình, nhưng sau một tháng bà N, ông K không trả vốn cho bà H. Từ đó đến nay bà N, ông K cũng không trả vốn lại cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông K, bà N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay bằng 34.800.000 đồng, trong đó vốn gốc bằng 30.000.000 đồng, lãi trong hạn bằng 4.800.000 đồng.

*\* Bị đơn bà Trần Thị Cẩm N với ông Đặng Văn K có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà N thừa nhận số tiền vay bằng 30.000.000 đồng và thời gian vay như lời trình bày của bà H, nhưng khi vay hai bên có thỏa thuận mỗi tháng bà N, ông K phải đóng lãi cho bà H mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng, và bà N, ông K đã đóng được 05 tháng bằng 15.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện thì bà đồng ý trả cho bà N số tiền gốc bằng 15.000.000 đồng và lãi 2.500.000 đồng.

*- Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Châu Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông Đặng Văn K, bà Trần Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà H bằng 30.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm N vẫn giữ nguyên lời trình bày là bà đồng ý trả cho bà H số tiền gốc bằng 15.000.000 đồng và lãi 2.500.000 đồng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm kiểm tra Hội đồng xét xử vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đặng Văn K và bà Trần Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị H số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng và không xem xét lãi suất vì bà H rút yêu cầu.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Châu Thị H khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn K, bà Trần Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay bằng 34.800.000 đồng, trong đó vốn gốc bằng 30.000.000 đồng, lãi trong hạn bằng 4.800.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu của mình bà H có cung cấp cho Tòa án tờ biên nhận đề ngày 24/11/2019 âm lịch có chữ ký của ông K, bà N.

Bị đơn ông Đặng Văn K và bà Trần Thị Cẩm N đều thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận ngày 24/11/2019 âm lịch là của ông, bà nhưng bị đơn trình bày rằng đã đóng lãi được 3.000.000 đồng và trả vốn gốc bằng 6.000.000 đồng, bị đơn chỉ còn nợ lại vốn gốc bằng 14.000.000 đồng. Chứng minh cho lời trình bày của mình bị đơn có cung cấp họ tên, địa chỉ của bà Thạch Thị Hoa, bà Nguyễn Hoàng Yến là người chứng kiến việc bà N trả tiền lãi cho bà H.

Hội đồng xét xử nhận thấy sự kiện vay giữa nguyên đơn và bị đơn đối với biên nhận ngày 24/11/2019 âm lịch là sự kiện có thật chứng minh bằng sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn không cần phải chứng minh. Đối với lời trình bày của bị đơn cho rằng đã trả được 05 lần lãi suất bằng 15.000.000 đồng nên cần trừ vốn gốc, đến lần cuối ngày 11/4/2020 âm lịch có bà Thạch Thị H, bà Nguyễn Hoàng Y chứng kiến, nhưng theo xác minh thì những người này có thấy việc đưa tiền giữa bà N cho bà H nhưng không biết tiền gì và cũng không xác định được là bị đơn có vay tiền của nguyên đơn do đó việc trả này bị đơn không có cung cấp được chứng cứ khác nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ căn cứ để chấp nhận, buộc ông Đặng Văn K với bà

Trần Thị Cẩm N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Châu Thị H số tiền vay vốn gốc còn nợ bằng 30.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Châu Thị H xin rút một phần khởi kiện là rút yêu cầu lãi suất, không yêu cầu bà N, ông K phải trả. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Lời trình bày của vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị H.

Tuyên xử: Buộc ông Đặng Văn K với bà Trần Thị Cẩm N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Châu Thị H số tiền vay vốn gốc còn nợ bằng 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu lãi suất.

Về án phí sơ thẩm:

- Bà Châu Thị H không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 870.000 đồng theo biên lai thu số 0004993 ngày 01/12/2020, nhận lại tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn Đặng Văn K và bà Trần Thị Cẩm N phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nguyên**